TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/**2019/DS-ST
Ngày: 16/7/2019
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Anh**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Trụ sở: Số …., đường N, Phường …., Quận …, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **ĐMT** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **NTVA** - Giám đốc xử lý nợ khu vực - Phòng Quản lý nợ, theo Giấy ủy quyền số 554/UQ-QLN.18 ngày 23/4/2018. Uỷ quyền lại cho ông **NTL** - Nhân viên xử lý nợ, theo Giấy ủy quyền số 154/UQ-ACBHN.18 ngày 26/12/2018. Địa chỉ: Số …., phố P, quận H, thành phố Hà Nội. - *Có mặt.*

2. Bị đơn:

2.1. Anh **PTH**, sinh năm 19…. - *Vắng mặt.*

2.2. Chị **ĐTL**, sinh năm 19…. - *Vắng mặt.*

Nơi ĐKHK thường trú: Số …, phố N, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú cuối cùng: Ngõ …., phố V, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/3/2018, Bản tự khai ngày 17/01/2019, 10/5/2019, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng thương mại cổ phần A** trình bày:

Ngày 04/9/2013, anh PTH ký kết Hợp đồng tín dụng trả góp số TNN.CN.01030913 với Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay tiền sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Ngân hàng đã cấp tín dụng cho anh H, chi tiết như sau: Số tiền vay: 120.000.000 đồng, số tiền thực tế giải ngân: 120.000.000 đồng, ngày cấp: 04/9/2013, thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền, lãi suất trong hạn: 11,76%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Ngày 31/5/2014, vợ chồng PTH, chị ĐTL đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/ SĐBS-01 với nội dung: Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền (ngày đáo hạn 04/9/2020), lãi suất trong hạn kể từ 22/5/2014: 18%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Sau đó, để tạo điều kiện cho anh H và chị L, ACB đã ký tiếp Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-02 ngày 28/7/2015 với nội dung: Thời hạn vay: ngày đáo hạn là 04/5/2021, lãi suất trong hạn kể từ ngày 22/06/2015: 11%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Ngày 30/12/2015, A tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/ SĐBS-03 điều chỉnh lại thời hạn vay, ngày đáo hạn vay 20/02/2020. Trong quá trình vay vốn, anh H, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 19/9/2017, A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 19/10/2017, A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số TNN.CN.01030913 sang nợ quá hạn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

- Buộc anh PTH và chị ĐTL trả Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng dư nợ còn thiếu gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác tính đến ngày 10/5/2019 là 113.223.846 đồng, gồm vốn: 70.487.084 đồng, lãi trong hạn: 22.106.388 đồng, lãi quá hạn: 20.102.799 đồng, phạt chậm trả: 527.575 đồng.

- Buộc anh PTH và chị ĐTL phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng của A kể từ ngày 11/5/2019 đến ngày anh H, chị L trả dứt nợ. Anh H, chị L phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn là anh PTH, chị ĐTL để anh H, chị L biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập anh H, chị L đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, anh H, chị L không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Tiếp theo, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và thời gian, địa điểm mở phiên tòa, nhưng anh H, chị L không tham gia phiên tòa. Do anh H, chị L không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị L phải trả tổng số tiền tính đến ngày 16/7/2019 là: 113.858.979 đồng, gồm vốn: 69.487.084 đồng, lãi trong hạn: 22.106.388 đồng, lãi quá hạn: 22.265.507 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 17/7/2019 đến ngày trả dứt nợ. Ngân hàng không yêu cầu anh H, chị L trả số tiền phạt chậm trả: 527.575 đồng. Anh H, chị L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, buộc anh H, chị L phải trả tổng số tiền tính đến ngày 16/7/2019 là: 113.858.979 đồng, gồm nợ: 69.487.084 đồng, lãi trong hạn: 22.106.388 đồng, lãi quá hạn: 22.265.507 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh

sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Về án phí: Tòa án xác định án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh PTH, chị ĐTL đăng ký hộ khẩu thường trú tại số …, phố N, phường B, quận H, thành phố Hà Nội, theo đúng địa chỉ ghi trong các hợp đồng tín dụng, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của anh H, chị L. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh PTH, chị ĐTL là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị L.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 04/9/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh T - Phòng Giao dịch TN và anh PTH ký kết Hợp đồng tín dụng trả góp số TNN.CN.01030913 với các nội dung chủ yếu sau: Số tiền vay 120.000.000 đồng được giải ngân một lần vào tài khoản tiền gửi của anh H tại ACB; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất trong hạn 11,76%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng; số tiền trả góp bao gồm nợ gốc và lãi hàng tháng là 3.676.000 đồng phải trả vào ngày 09 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 09/10/2013, kỳ trả nợ cuối vào ngày 04/9/2017. Ngày 31/5/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần A và vợ chồng anh PTH, chị ĐTL ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-01 với nội dung: Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền (ngày đáo hạn 04/9/2020), lãi suất trong hạn kể từ 22/5/2014 là 18%/năm cố định trong suốt thời hạn vay. Ngày 28/7/2015, Ngân hàng thương mại cổ phần A và vợ chồng anh H, chị L ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-02 với nội dung: Điều chỉnh thời hạn vay, ngày đáo hạn mới là 04/5/2021, lãi suất trong hạn kể từ 22/6/2015 là 11%/năm cố định trong suốt thời hạn vay. Ngày 30/12/2015, Ngân

hàng thương mại cổ phần A và vợ chồng anh H, chị L ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-03 với nội dung: Điều chỉnh thời hạn vay, ngày đáo hạn mới là 22/02/2020. Ngoài ra, hai bên thỏa thuận về kỳ trả nợ, số nợ gốc, tiền lãi phải trả. Xét việc hai bên xác lập, sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung, Biên bản làm việc ngày 25/4/2014, 01/7/2015, Bảng tính lãi ngày 16/7/2019, có cơ sở xác định: Ngày 04/9/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần A đã giải ngân 120.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi của anh PTH. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị L vi phạm nghĩa vụ, chỉ trả được số nợ gốc là 43.812.424 đồng và một phần tiền lãi trong hạn, phạt chậm trả. Ngày 19/9/2017, Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn và từ ngày 21/10/2017 chuyển toàn bộ số nợ gốc chưa trả là 76.187.576 đồng sang nợ quá hạn. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, từ ngày 01/02/2018 đến ngày 12/7/2019, anh H, chị L trả thêm 6 lần với tổng số tiền là 6.700.492 đồng được trừ vào nợ gốc. Nay Ngân hàng yêu cầu anh H, chị L trả số nợ gốc tính đến ngày 16/7/2019 là 69.487.084 đồng, anh H, chị L không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh H, chị L thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 69.487.084 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Theo Bảng tính lãi ngày 16/7/2019, tính đến ngày 20/10/2017, anh PTH, chị ĐTL đã trả số tiền lãi trong hạn là 28.580.576 đồng, chưa trả được số tiền lãi trong hạn là 22.106.388 đồng. Từ ngày 21/10/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần A tính lãi quá hạn theo công thức: Dư nợ gốc x 11%/năm x 150% x số ngày tính lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu anh H, chị L trả số tiền lãi trong hạn là 22.106.388 đồng và số tiền lãi quá hạn là 22.265.507 đồng, Tòa án kiểm tra xác định Ngân hàng tính tiền lãi theo đúng thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh H, chị L thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 16/7/2019 gồm lãi trong hạn là 22.106.388 đồng và lãi quá hạn là 22.265.507 đồng.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần A được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Tòa án trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 2.543.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, anh H và chị L phải chịu 5.692.948 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ vào Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ 4.500.000 đồng lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc đòi anh PTH, chị ĐTL trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trả góp số TNN.CN.01030913 ngày 04/9/2013, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-01 ngày 31/5/2014, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-02 ngày 28/7/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số TNN.CN.01030913/SĐBS-03 ngày 30/12/2015. Buộc anh PTH, chị ĐTL trả Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 16/7/2019 là: 113.858.979 đồng (Một trăm mười ba triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng), gồm nợ gốc là: 69.487.084 đồng (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi tư đồng), tiền lãi trong hạn

là: 22.106.388 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm linh sáu nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn là: 22.265.507 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm linh bảy đồng).

2. Về án phí:

2.1. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.543.000 đồng (Hai triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002537 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2.2. Anh PTH và chị ĐTL phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.692.948 đồng (Năm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng).

3. Về lệ phí: Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ lệ phí.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh PTH, chị ĐTL vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam